

TƯ LIỆU

NHỮNG SAI LẦM CỦA ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

Nguyễn Phương

Lời Tòà soạn: Bài viết dưới đây của tác giả Nguyễn Phương đã đăng trên tạp chí *Đại học* của Viện Đại học Huế, số 5, tháng 10/1962, trang 784-799, sau đó đăng lại trên đặc san *Dòng Việt*, xuất bản tại Hoa Kỳ, số 4-1997, Kỷ niệm 40 năm Viện Đại học Huế (1957-1997), trang 246-261. Tác giả bài viết, Linh mục Nguyễn Phương, tự Trúc Long (1921-1993) là một học giả, một nhà sử học tên tuổi ở miền Nam trước năm 1975.

Trong phương pháp nghiên cứu sử học, Giáo sư Nguyễn Phương chủ trương phải khảo chứng kỹ càng mức độ khả tín của các nguồn sử liệu trước khi sử dụng. Bài viết này mở đầu cho công trình “Phần Ngoại ký của *Toàn thư* với sử liệu Trung Quốc” của Giáo sư (Hiện vẫn chưa được xuất bản). Đăng bài viết này, chúng tôi muốn giới thiệu rộng rãi cùng bạn đọc một phần kết quả khảo chứng sử liệu của Giáo sư Nguyễn Phương đối với bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Hy vọng rằng, công việc này sẽ được các nhà sử học hiện nay tiếp tục thực hiện, không chỉ đối với *Toàn thư* mà còn ở nhiều bộ sử khác, để góp phần phát triển nền sử học nước nhà. BBT.

Ai cũng biết bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* là của Ngô Sĩ Liên, viết vào năm 1479, dưới đời Lê Thánh Tông. Nhưng nói cho đúng, sách này không phải do một tác giả. Chính Ngô Sĩ Liên đã nói rõ điều đó. Trong bài biểu dâng sách cho vua, ông viết: “*Nhân nay cúi đội ơn Thánh, đem tôi vào làm việc trong quán, tôi lấy hai bộ sách Đại Việt sử ký đời trước, tham khảo với dã sử, biên tập thành bộ Đại Việt sử ký toàn thư.*” Rồi trong Phàm lệ của sách, ông còn cho biết thêm rằng: “*Việc làm ra bộ sách này gốc ở hai bộ Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu cùng Phan Phu Tiên, lại tham bác với Bắc sử, dã sử, truyện, chí, với các điều nghe, thấy, lưu truyền.*” Như thế sách có đến ba tác giả, vì vậy rất khó phân biệt được chuyện nào là do ai đã đem vào trong bản văn của sách, có lẽ chỉ chắc được một chỗ là phần thêm cuối cùng thuộc về một mình Ngô Sĩ Liên mà thôi.

Tuy nhiên nhìn kỹ vào cách kết cấu của bộ *Toàn thư*, chúng ta cũng có thể nhận được một phần nào sự đóng góp của từng tác giả. Sở dĩ nhận được như thế, trước là vì Ngô Sĩ Liên có cho biết một số các chuyện ông đã vì ý định viết *Toàn thư*, mà bổ túc vào công trình của Lê Văn Hưu; hai là vì Phan Phu Tiên khi viết lại *Đại Việt sử ký*, đã không thay đổi gì ở phần Lê Văn Hưu chép trước, tức là từ Triệu Đà đến Lý Chiêu Hoàng, mà chỉ viết chấp vào thôi; sau hết, đầu những chỗ thay đổi không được nói rõ, đôi khi người đọc cũng có thể nhận được câu nào đã được viết từ đời Lê Văn Hưu, và câu nào là của Ngô Sĩ Liên, nhờ sự so sánh bản văn của *Toàn thư* với các tài liệu đã được các sử gia đó dùng đến, nhất là trong phần Ngoại ký.

Quả thế, các sử gia thời trước có một lối chép sử dễ theo dõi. Phần nhiều họ không tiêu hóa tài liệu họ có. Thường họ lặp lại, chẳng những nguyên câu chuyện họ biết được, mà cả nguyên văn nữa. Nói chung thì Lê Văn Hưu đã lấy ở các tác giả như Tư Mã Thiên, Ban Cố, Tư Mã Quang v.v... còn Ngô Sĩ Liên thì lấy ở các ông Lý Tế Xuyên, Trần Thế Pháp, Vũ Quỳnh, mà bổ túc vào những

chỗ ông nghĩ là thiếu sót ở “cựu sử”. Nhờ đối chiếu như vậy, mà chúng tôi nhận được khuynh hướng chính của từng người trong hai sử gia vừa nói, cũng như cách viết sử của họ. Và cũng nhờ đối chiếu như vậy mà chúng tôi biết được giá trị của từng đoạn sử ở phần Ngoại kỷ của *Toàn thư*. Giá trị của một đoạn sử là do giá trị của sử liệu được dùng để cấu tạo nên nó. Bởi đó một khi biết rõ nguồn gốc, chúng ta đánh giá được dễ dàng. Chúng tôi có lần đã đánh giá các đoạn của Ngô Sĩ Liên thêm vào,⁽¹⁾ nay, trong bài này chúng tôi chỉ phê bình một mẩu chuyện nhỏ mà *Toàn thư* đã lấy ở sử Tàu, và người đã lấy trước hết có lẽ là Lê Văn Hưu.

Để thấy rõ “những sai lầm” chúng tôi muốn nói đến trong một chuyện nhỏ như chuyện Khâu Hòa, được kể ở phần Ngoại kỷ của *Toàn thư*, quyển 5, tờ 2b-3a, sắp trình bày dưới đây, chúng tôi xin nêu ra đại cương về phương pháp mà Lê Văn Hưu đã dùng để chép phần Ngoại kỷ. Sau khi đã đối chiếu các sử liệu Trung Hoa với các sự kiện được thuật từ Triệu Đà đến Khúc Hạo, tức là từ thế kỷ thứ 2 trước kỷ nguyên [tức Công nguyên theo cách gọi hiện nay. BBT] cho đến thế kỷ thứ 10 sau kỷ nguyên, chúng tôi thấy rõ rằng Lê Văn Hưu đã dùng một quyển sách làm căn bản, rồi đây đó, gắp thêm được điều gì ở sách nào khác thì chêm vào sau.

Chúng ta biết rằng Lê Văn Hưu viết *Đại Việt sử ký* vào năm 1272,^(*) dưới đời Trần Thánh Tông. Nhưng trước đó, thời nhà Tống cai trị Trung Quốc, trong năm thứ ba, niên hiệu Trị Bình vào tháng Tư, ngày Tân Sửu, tức là ngày 14 tháng 5 năm 1066, vua [Tống] Anh Tông đã “*mệnh Long đồ Trục học sĩ, Thị lang độc Tư Mã Quang, biên tập lịch đại quân thần sự tích*”.⁽²⁾ Quyển sách Tư Mã Quang vâng lệnh vua mà viết suốt 19 năm mới xong đã được mệnh danh là *Tư trị thông giám* [資治通鑑]. Đó là một bộ sử soạn theo lối biên niên gồm các sự việc xảy ra khắp cả Trung Quốc kể từ thời Chiến quốc đến thời Ngũ đại nghĩa là từ Uy Liệt Vương nhà Chu (425-402) cho đến Thế Tông nhà Hậu Chu (954-959). Vì là biên niên, sử gia lấy thời gian làm bố cục, kể hết ngày này đến ngày khác, hết tháng này đến tháng khác, hết năm này đến năm khác. Một chuyện ở An Đông có thể nằm bên cạnh một chuyện ở An Tây, hay ở Quảng Châu, nếu xảy ra trong cùng một đơn vị thời gian. Mà bởi vì đất cổ Việt trong khoảng các thế kỷ đó là một phần của lãnh thổ Trung Quốc, nên hễ bao giờ có việc gì quan trọng xảy ra, sử gia cũng nhắc đến.

Vậy Lê Văn Hưu đã làm gì?

Thấy bộ sử đó vừa sáng sủa, vừa vững vàng, ông đã dùng làm căn bản để viết phần Ngoại kỷ của ông. Nhưng ông đã dùng làm căn bản như thế nào? Chẳng những ông dùng khung thời gian do Tư Mã Quang đã cấu tạo sẵn, ví dụ năm thứ mấy, hiệu vua nào, tháng nào có nhật thực, nguyệt thực, mà lại hễ chỗ nào nói đến Giao Chỉ, Giao Châu, An Nam, là ông chép lại cả câu chuyện. Kể từ việc Hai Bà Trưng khởi nghĩa mà đi, đường lối chính của ông là như vậy. Về chuyện Triệu Đà, đang khi ông giữ khung thời gian của Tư Mã Quang, ông

* Lê Văn Hưu biên soạn bộ *Đại Việt sử ký* theo lệnh vua Trần Thái Tông (1225-1258), đến năm 1272 mới hoàn thành và dâng lên vua Trần Thánh Tông. BBT.

đã xen vào những đoạn thích hợp lấy trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên, *Tiền Hán thư* của Ban Cố, v.v...

Nhưng phương pháp viết sử của Lê Văn Hưu, dầu giản tiện, cũng có thể đem đến nhiều sai lầm. Trước hết, mặc dầu ông đã đọc, kể từ thời Triệu Đà, nghĩa là từ đời Nhị thế nhà Tần (209-207) mà đi, qua hơn 200 quyển (sách gồm 291 quyển) của bộ *Tư trị thông giám*, ông vẫn bỏ qua nhiều chỗ về Giao Chỉ, Giao Châu, hoặc An Nam. Bỏ qua như vậy vì ông có ý chẳng? Nhưng có những đoạn mà bỏ qua, chẳng những là một thiếu sót, mà còn là một sai lạc, hay nói cho đúng, một căn nguyên sai lạc, vì bỏ những chỗ đó sẽ đem người viết và người đọc đến những kết luận không đúng. Do đó, chúng tôi nghĩ rằng Lê Văn Hưu, và rồi sau này Ngô Sĩ Liên nữa, đã làm việc không chu đáo. Điều sai lạc thứ hai là về thời gian. Lê Văn Hưu có thể gặp được một đoạn nói về Giao Chỉ ở một tháng trước, và ông chép lại đúng ngày tháng đó; nhưng cách ít tháng, ông có thể gặp một chỗ nói về Giao Chỉ nữa và lần này thay vì kể rõ ngày tháng như lần trước, ông có thể quên điều đó đi và chỉ viết việc xảy ra vào bên cạnh biến cố cách mấy tháng trước, khiến cho người đọc tưởng chừng cả hai việc xảy ra trong cùng một tháng. Đó là chưa nói đến nạn tối nghĩa ở nhiều chỗ vì sự cắt lấy một đoạn trong một câu chuyện dài. Thật thế, nhiều chỗ, việc xảy ra ở cổ Việt có liên quan đến các nhân vật và sự việc đã nói ở các tỉnh khác. Bởi đó, khi chỉ chép lấy câu hay đoạn nói về Giao Chỉ, nhiều nhân vật xuất hiện mà không được giới thiệu, hoặc nhiều sự việc có vẻ thiếu hụt đầu đuôi.

Nói chung như thế rồi, xin đề cập đến chuyện Khâu Hòa gìn giữ Giao Châu.

Khâu Hòa là một nhà cai trị do vua Văn Đế nhà Tùy (601-604) sai sang làm Thái thú Giao Châu sau Lưu Phương, khi ông này được đặt làm Hoan Châu đạo Hành quân Tổng quản để chuẩn bị đánh Lâm Ấp. Chúng tôi xin dịch chuyện vừa nói theo bản văn của *Toàn thư* (quyển 5, tờ 2b-3a) rồi sẽ phê bình sau. Sách đó chép:

“*Mậu Dần* (năm đầu hiệu Vũ Đức triều Cao Tổ Lý Uyên nhà Đường) [618], mùa hạ, vào tháng Tư, Thái thú Khâm Châu là Ninh Trường Chân, đem đất Uất Lâm, Thủy An dâng cho Tiêu Tiên,^{*} Thái thú Hán Dương là Phùng Áng đem đất Thương Ngô, Cao Yếu, Châu Nhai, Phiên Ngung, dâng cho Lâm Sĩ Hoằng. Tiên và Sĩ Hoằng đều sai người sang chiêu mộ Thái thú Giao Châu là Khâu Hòa. Hòa không chịu theo. Tiên sai Trường Chân đem binh sĩ Lĩnh Nam đi đường biển sang đánh Hòa. Hòa muốn ra nghinh tiếp, nhưng viên Tư pháp thư tá của ông, là Cao Sĩ Liêm, bàn với ông rằng: Binh sĩ của Trường Chân tuy nhiều, nhưng ở xa đến, lương ít không thể kéo dài lâu được; bởi đó quân ta trong thành đủ sức chống cự, cần gì mà vừa nghe tiếng đã đành chịu kẻ khác đàn áp. Hòa nghe theo. Ông đặt Sĩ Liêm làm Hành quân Tư mã, chỉ huy tất cả các dinh quân thủy lục chặn đánh thắng được địch. Trường Chân may mắn thoát được thân, còn binh sĩ ông bị bắt hết sạch. Rồi Hòa xây một “thành con” chu vi chín trăm bộ để phòng ngự. Bấy giờ gặp lúc nhà Tùy mất, Hòa nộp cống

* Tên của nhân vật này viết 蕭銑, bản dịch *Đại Việt sử ký toàn thư* của Nxb KHXH năm 1998, tr. 188, tập I, phiên là Tiêu **Tiến**. BBT.

phẩm cho nhà Đường. Vua Đường hạ chiếu cho ông Lý Đạo Hựu mang cờ tiết sang phong Hòa làm Thái tổng quản Giao Châu với tước Đàm quốc công. Hòa sai Sĩ Liêm dâng biểu xin về châu. Vua Đường ra lệnh cho quân đi đón; năm đó nhà Tùy mất.

Nhâm Ngọ (năm thứ 5, hiệu Vũ Đức nhà Đường) [622]. Trước kia, thời nhà Tùy, Khâu Hòa làm Thái thú Giao Châu, đã cậy vào uy thế nhà Tùy cho tuân do hết các khe động. Ông ở tại châu hơn 60 năm. Các nước như Lâm Ấp, dâng Hòa ngọc trai sáng, sừng tê đẹp, và đồ bằng vàng. Bởi đó Hòa giàu có không khác gì vua. Năm đó nhà Đường đổi Giao Châu làm An Nam đô hộ phủ”.

Câu chuyện trong *Toàn thư* vừa kể về Khâu Hòa, có thể bao hàm bốn sự kiện chính:

- I. Khâu Hòa bảo vệ Giao Châu chống với lực lượng của Tiêu Tiên.
- II. Thái độ của Khâu Hòa đối với triều đại mới là nhà Đường.
- III. Nói chung về thời gian Khâu Hòa cai trị Giao Châu.
- IV. Đổi Giao Châu ra làm An Nam đô hộ phủ.

Về phương diện thời gian, hai việc trước nằm trong năm Mậu Dần, tức là năm 618. Việc thứ ba là một nhận xét tổng quát về cả giai đoạn của Khâu Hòa ở Giao Châu, nó có thể bắt đầu từ 605 tức là năm *Toàn thư* nói đến việc Lưu Phương thôi coi sóc Giao Châu để vào làm Hành quân Tổng quản ở Hoan Châu⁽³⁾ và cáo chung hơn 60 năm sau, tức là vào khoảng 666 gì đó. Và việc thứ tư xảy ra vào năm Nhâm Ngọ, năm thứ 5 hiệu Vũ Đức nhà Đường tức là năm 622. Nhận định như vậy xong, chúng tôi xin phê bình. Để cho việc trình bày được rõ ràng, chúng tôi sẽ phê bình lần lượt các việc chính của câu chuyện.

I. Việc Khâu Hòa bảo vệ Giao Châu

Đoạn này ăn từ đầu câu chuyện cho đến hết chỗ nói về sự xây một thành con (tử thành) để phòng ngự. Ở đoạn này, chúng tôi sẽ nêu ra: 1) Cách chép sử của tác giả và 2) Những khuyết điểm của nó.

1. Nhận xét đầu tiên người đọc có thể có khi đưa mắt nhìn qua đoạn này là sự kiện được trình bày một cách chi tiết, có năm, có tháng, có các vai chính trong truyện, có một bố cục rõ ràng, có những câu trích linh hoạt. Nó có vẻ đầy đủ, khác hẳn với các việc sau, mặc dầu các việc sau không kém quan hệ, hoặc nằm trong một khoảng thời gian dài hơn. Nếu đem so sánh đoạn này với các đoạn sau, thì chúng ta có thể chê rằng tác giả đã không có mực thước, trình bày một cách gập chăng hay chớ, không làm chủ được vấn đề. Chê thế là đúng, nhưng hỏi chê thế có ích gì, vì chính phương pháp của tác giả là gập sao hay vậy. Hơn nữa, trước một thực tế hết sức oái oăm mà chúng tôi sẽ trình bày trong các đoạn sau, có lẽ chúng ta đáng khen phương pháp gập sao hay vậy đó của tác giả hơn là đáng chê, vì cứ sự thường chỉ những chỗ tác giả chép lại nguyên văn một việc tác giả gặp được trong *Tư trị thông giám*, hoặc là trong một bộ sử nào khác, là có một ít giá trị, còn những chỗ tác giả tự hành văn lấy lại đây đây sai lạc. Đoạn này, sở dĩ được các điểm hay như đã nói, là vì Lê Văn Hưu đã gặp được viết sẵn trong tác phẩm của Tư Mã Quang, ở quyển 185, tờ 20 [?]. Ở chỗ này, chúng ta thấy mọi sự giống hệt như ở *Toàn thư*, chỉ thiếu

câu: “Rồi Hòa xây một thành con chu vi chín trăm bộ để phòng ngự”. Nhưng trước khi nói dài hơn thiết tưởng nên đối chiếu hai bản văn chữ Hán với nhau cho dễ thấy sự tương đồng:

Toàn thư, 9-5, 2b

戊寅(唐高祖李淵
武德元年)夏四月
欽州刺史竇長真
以鬱林始安之地
附於肅統漢陽太
守馮盎以蒼梧高
要珠崖番禺之
附於林士弘各遣
人和交州太守丘
和帥兵領南兵自
道攻和書曰長真
廉雖多兵能持久
中奈何?和從之
為陸請營僅其
長俾其東。

Tứ trị, 9.185, 19a

唐...高祖...武德
元年...夏...四月
...欽州刺史竇長
真亦以鬱林始安
之地附於統漢陽
太守馮盎以蒼梧
高涼珠崖番禺之
地附於林士弘統
士弘各遣人和交
趾太守丘和帥兵
從統南之兵自海
嶺攻和書曰長真
廉雖多兵能持久
中奈何?和從之
為陸請營僅其
長俾其東。

Cố nhiên, cứ mặt chữ mà nói, hai bản văn không phải giống nhau như đúc. Người ta có thể nêu lên những dị biệt, như:

<i>Toàn thư</i>	<i>Tư trị</i>
1. Nịnh Trường Chân dĩ Uất Lâm	1. Nịnh Trường Chân <i>diệt</i> dĩ Uất Lâm
2. Phó ư <i>Tiêu</i> Tiên	2. Phó ư Tiên
3. Phùng Áng dĩ... Cao Yếu	3. Phùng Áng dĩ... Cao <i>Lương</i>
4. Các khiển nhân	4. <i>Tiên, Sĩ Hoàng</i> , các khiển nhân
5. Chiêu Giao <i>Châu</i> Thái thú	5. Chiêu Giao <i>Chỉ</i> Thái thú
6. Tiên khiển Trường Chân	6. Tiên khiển <i>Nịnh</i> Trường Chân
7. Quân viễn <i>lai</i>	7. Quân viễn <i>chí</i>
8. <i>Lương</i> thiếu bất năng đãi cữu	8. Bất năng đãi cữu
9. Liêm vi <i>Hành quân Tư mã</i>	9. Liêm vi quân Tư mã
10. Thủy lục chư <i>dinh</i>	10. Thủy lục chư <i>quân</i>

Nhưng nếu đọc với một đôi tý hiểu biết, người ta nhận thấy ngay rằng trong 10 chỗ dị biệt vừa kể không chỗ nào làm thay đổi ý, trái lại có thể nói được là các dị biệt đó xuất hiện chỉ vì người sau không chú ý. Chứng cứ của sự lơ đãng thấy được rõ ràng ở dị biệt số 3. *Toàn thư* chép Phùng Áng đem đất Cao Yếu dâng cho Lâm Sĩ Hoàng, hỏi Cao Yếu ấy là gì và ở đâu? Không lẽ nào một nhà chép sử Việt Nam có thể đổi địa danh thời xưa của Trung Quốc, một địa danh mà Tư Mã Quang đã viết là Cao Lương và Hồ Tam Tỉnh đã chú rằng: “đó là đất Cao Châu, và Dương Đế nhà Tùy đã đổi ra Cao Lương.”? Nói tóm lại, hai bản văn giống nhau đến nỗi phải kết luận rằng bản này sao lại bản kia, hay nói rõ hơn tý nữa, bản của *Toàn thư* đã sao bản của *Tư trị thông giám*.

2. Bởi vì Lê Văn Hưu gặp chỗ nào nói đến Giao Châu là sao lại chỗ đó như vừa thấy, nên sách ông chứa đựng nhiều khuyết điểm. Khuyết điểm lớn nhất của ông là làm cho biến cố trở thành cô độc, thiếu mất bối cảnh lịch sử chung. Khi Tư Mã Quang chép *Tư trị thông giám*, dầu ông theo sự diễn tiến của thời gian để trước thuật, ông vẫn cho người đọc một cái nhìn tổng quát về sự việc xảy ra trên toàn Trung Quốc. Đàng khác, các sự việc trong một nước thường ba động đến nhau, chằng chịt lấy nhau, nên một nhân vật có thể đóng vai ở một địa điểm trước khi đóng vai ở địa điểm lân cận, hay một sự kiện xảy ra nơi này có thể là nguyên nhân cho sự kiện xảy ra chỗ kia. Người viết, vì viết biến cố ở cả hai nơi nên thường không lặp lại những điều đã nói ở một nơi trên, bởi lẽ rằng không còn cần thiết cho độc giả để theo dõi câu chuyện nữa. Nay, một người như Lê Văn Hưu chỉ bứng lấy những chỗ nói đến Giao Châu, thế tất sẽ phải cắt đứt nhiều dây liên lạc với các châu quận khác, và như vậy nhiều sự kiện nhiều nhân vật hiện ra đột ngột trong tác phẩm của ông. Những bằng chứng của sự đột ngột này gặp thấy dễ dàng trong đoạn văn nêu ra trên đây của *Toàn thư*.

Trước hết nên nhớ rằng về chuyện của Khâu Hòa trong *Toàn thư*, tất cả chỉ có đoạn đó nói đến. Nhưng vừa đọc vào, nhiều câu hỏi rất tự nhiên dồn dập hiện ra. Sao Nịnh Trường Chân lại đem Uất Lâm, Thủy An dâng cho Tiêu Tiên, hay Phùng Áng đem Thương Ngô v.v... dâng cho Lâm Sĩ Hoàng? Mà Tiêu Tiên, Lâm Sĩ Hoàng là những con người thế nào đã mới được chứ? Rồi hai người đó

chiêu mộ Khâu Hòa để làm gì? Và tại sao Khâu Hòa lại không theo? Trước bấy nhiêu thắc mắc, độc giả của *Toàn thư* không sao trả lời thỏa mãn được. Nhưng nếu đọc đoạn đó ở *Tư trị thông giám* thì lại khác. Câu chuyện có trước, có sau. Chúng ta sẽ thấy dễ dàng rằng vào cuối đời Dương Đế nhà Tùy (605-617) triều đình suy yếu, hào kiệt các nơi nổi dậy hùng cứ mỗi người một phương. Trong số các hào kiệt đó ở miền Nam có Lâm Sĩ Hoằng chiếm giữ Phần Dương, Tiêu Tiên chiếm giữ Giang Lăng, đang khi Lý Uyên vây vùng ở Trường An, giết được tước Đường vương và còn vươn lên cho đến ngôi Thiên tử. Chính giữa lúc hỗn loạn đó mà kẻ yếu phải tìm về với kẻ mạnh, và kẻ mạnh tìm thêm vây cánh để hạ thủ đối lập. Bấy giờ mới thấy nguyên do tại sao Ninh Trường Chân và Phùng Áng đem đất đi dâng, tại sao Khâu Hòa được sứ giả của Tiêu Tiên và Sĩ Hoằng đến chiêu mộ. Nhưng hỏi có làm sao Khâu Hòa lại không bắt chước Trường Chân, hay Phùng Án? Đó là vì Khâu Hòa còn nhớ nghĩa cũ với nhà Tùy, hơn nữa ông cũng chưa tin gì vào sự thành đạt của hai vị anh hùng non nớt đó. Thật muốn hiểu Ngoại kỷ của *Toàn thư*, rất cần phải tìm đến các nguồn sử liệu của nó.

II. Thái độ của Khâu Hòa đối với triều đại nhà Đường

Khâu Hòa, theo *Toàn thư* nói, đã về với nhà Đường sau khi thắng Ninh Trường Chân và nhà Tùy mất. Đó là đoạn thứ hai chúng tôi xin đem ra phân tích và phê bình.

Chúng tôi xin chia đoạn này ra làm ba việc:

1. Nhà Tùy mất, Khâu Hòa triều cống nhà Đường;
2. Nhà Đường phong chức cho Khâu Hòa;
3. Khâu Hòa về châu vua.

Trước khi bàn về từng chi tiết, chúng tôi xin lưu ý điều này là tác giả *Toàn thư* đã cho rằng cả ba việc đó vào trong năm Mậu Dần (618); chính câu “năm đó nhà Tùy mất” nằm ở cuối cùng đoạn văn bắt phải hiểu như vậy, vì năm đó nói đây, tức là năm xảy ra các việc vừa kể, và nhà Tùy mất năm 618. Một ghi nhận nữa không kém quan trọng, đó là đoạn văn này không phải sao lại nguyên văn của *Tư trị thông giám*, nhưng người viết *Đại Việt sử ký (Toàn thư)* đã dùng những điều biết được trong sách của Tư Mã Quang rồi tự hành văn lấy. Phải chăng hề chỗ nào Lê Văn Hưu tự viết lấy là chỗ ấy sai? Để thấy rõ điều đó, xin theo dõi các việc trình bày dưới đây.

1. Phải chăng Khâu Hòa đã về với nhà Đường sau khi thắng Trường Chân? Các tác giả *Toàn thư* dựa vào đâu để nói một cách đơn giản như vậy? Hay họ phỏng đoán? Nếu họ dựa vào sử liệu, thì tiếc thay sử liệu đã cho biết khác. Sự thực là đang khi Khâu Hòa thắng ở Giao Châu, tình hình ở Trung Quốc biến chuyển nhiều. Vào tháng Tư năm Mậu Dần (618) Tiêu Tiên đã tự xưng Hoàng đế, định lập lại nhà Lương. Một tháng sau vào ngày Giáp Tý (tức là ngày 19 tháng 6 năm 618) Lý Uyên từ chức Đường vương bước lên ngôi Thiên tử lập sự nghiệp nhà Đường.

Trong trường hợp đó Khâu Hòa đã xử trí thế nào? Khai thác triệt để cuộc thắng trận và tự lập ở Giao Châu ư? Không, ông không đủ can đảm để làm việc đó. Thì theo nhà Đường mới tức vị ư? Cũng không. Khâu Hòa là quan nhà Tùy, chưa quen biết gì với vua mới ở Trường An. Vậy ông làm thế nào? *Tư trị thông giám* chép: “*Khi được tin xấu về Dương Đế, ông đem quân phó cho Tiên*”.⁽⁴⁾ Từ đó Giao Châu dính liền với số phận của Giang Lăng. Nhưng Tiêu Tiên chẳng bao lâu tỏ ra thất thế. Trong hàng tướng lãnh, nhiều kẻ bất bình với ông, khiến cho lực lượng chia rẽ. Ở ngoài ông lại bị nhà Đường đánh bại dần dần. Chính vì nghe được các điều không tốt đó, nên vào tháng 9 năm Vũ Đức thứ 4 (621),⁽⁵⁾ Khâu Hòa đầu hàng nhà Đường, và cùng một tháng đó Tiêu Tiên cũng mở cửa Giang Lăng đầu hàng nốt (*Tư trị thông giám*, quyển 189, tờ 28b). Như vậy, chẳng những khi nhà Tùy mất, nhà Đường lên, Khâu Hòa đã không theo nhà Đường ngay như *Toàn thư* nói, mà ông lại theo kẻ thù của nhà Đường trong vòng 4 năm [618-621]. Bỏ qua sự kiện đó và dồn việc Khâu Hòa triều cống nhà Đường vào trong năm 618, phải kể là một sai lạc lớn.

2. Hai việc sau, tức là việc nhà Đường phong chức Tổng quản cho Khâu Hòa, và Khâu Hòa về triều yết, đã được *Toàn thư* đặt vào năm 618. Kỳ thực, nhà Đường đã cho Khâu Hòa làm Giao Châu Tổng quản vào năm Vũ Đức thứ 5, tháng Ba, ngày Giáp Thìn, tính ra là ngày 23 tháng 5 năm 622. Sau khi được chức mới, Khâu Hòa xin nhà Đường cho về châu vua ở Trường An. Chẳng những vua cho phép mà còn “*khiển kỳ tử Sư Lợi nghinh chi*”;⁽⁵⁾ xin dịch: “*sai con ông ta là Sư Lợi đi đón ông*”. Sư Lợi, tức là Khâu Sư Lợi. Người ta có thể nói đó là một sai lạc không đáng kể. Nhưng thiết tưởng những sai lạc về thời gian bao giờ cũng rất đáng chú ý. Một biến cố không có thời gian là một biến cố mất hẳn giá trị lịch sử. Bởi đó, trình bày một việc xảy ra không đúng với ngày tháng của nó, bao giờ cũng có hại cho sự tìm hiểu chân lý về quá khứ.

III. Nói chung về thời gian Khâu Hòa cai trị Giao Châu

Bây giờ chúng ta bước qua đoạn các tác giả *Toàn thư* nói chung về đời sống Khâu Hòa ở Giao Châu. Đoạn này họ thuật lại dưới mào đề của năm Nhâm Ngọ (622), nhưng cứ cách họ nói, công việc không phải xảy ra năm đó. Điều đáng chú ý nhất của đoạn đó có lẽ là câu: “*Ông ở tại châu hơn 60 năm*”, vì chắc chắn rằng nhờ sự ở lâu đó và nhờ cách cai trị tử tế của ông mà ông đã được “*giàu có không khác gì vua!*”. Nhưng hỏi làm thế nào để biết được ông cai trị Giao Châu lâu đến thế?

Như đã nói trên, theo *Toàn thư*, thì Khâu Hòa phải ở lại Giao Châu ít nhất là đến năm 666. Để quả quyết điều đó, phải có một trong hai điều kiện sau đây, hoặc là có những tài liệu chắc chắn làm chứng, hoặc là ít ra trong thời gian từ 605 đến 666 không có dấu một người nào khác được triều đình Trung Quốc bổ nhiệm sang cai trị Giao Châu. Về bằng cứ tích cực, chúng tôi không

* Nguyên văn in nhầm là năm Vũ Đức thứ 5 (622), đây chúng tôi sửa lại như trên. Khâu Hòa và Tiêu Tiên đầu hàng nhà Đường vào năm Vũ Đức thứ 4-621, đến cuối năm đó Tiêu Tiên bị Đường Cao Tổ giết. Đoạn sau ghi đúng sự kiện này xảy ra vào năm 621. BBT.

tìm được ở các sử liệu chúng tôi có thể có, và chúng tôi cũng tin chắc rằng, sẽ không ai tìm được những sử liệu như thế. Bằng cứ tiêu cực cũng không làm sao tìm được, vì trái lại, lịch sử đã cho biết nhà Đường có đặt các quan cai trị Giao Châu, khác với Khâu Hòa, trong khoảng thời gian vừa nói. Đây chúng tôi xin kể ra một vài ví dụ để ủng hộ luận đề của chúng tôi.

Quả thế, chỉ mấy tháng sau khi Khâu Hòa xin về triều yết, chúng ta đã thấy xuất hiện một Giao Châu Thứ sử khác, mà tên gọi là Quyền Sĩ Thông. Nhân dịp nói đến việc đánh quân mọi Đột Quyết ở Tam Quan Sơn. *Tư trị thông giám* chép: “*Vũ Đức ngũ niên, cửu nguyệt, Quý Tỵ, Giao Châu Thứ sử Quyền Sĩ Thông, Hoằng Châu Tổng quản Ưu Văn Hãm, Linh Châu Tổng quản Dương Sư Đạo, kích Đột Quyết ở Tam Quan Sơn, phá chi*”. Xin dịch: “*Năm Vũ Đức thứ 5, vào tháng Chín, ngày Quý Tỵ (tức là ngày 25 tháng 10 năm 622) Thứ sử Giao Châu là Quyền Sĩ Thông, Tổng quản Hoằng Châu là Ưu Văn Hãm, Tổng quản Linh Châu là Dương Sư Đạo đánh quân Đột Quyết ở núi Tam Quan và thắng được*”.⁽⁶⁾ Sau đó chức Giao Châu Thứ sử được đổi sang Giao Châu Đô đốc, và trước năm 666, Tư Mã Quang có nhắc đến các viên đô đốc vào các trường hợp sau đây:

“*Vũ Đức thất niên, cửu nguyệt, Quý Mão, Nhật Nam nhân Cương Tử Lộ phản, Giao Châu Đô đốc Vương Chí Viễn kích phá chi*”. Dịch: “*Năm Vũ Đức thứ 7, vào tháng 9, ngày Quý Mão (tức là ngày 23 tháng 10 năm 624) có người ở Nhật Nam tên là Cương Tử Lộ làm phản. Viên Đô đốc Giao Châu là Vương Chí Viễn đánh phá được*”.⁽⁷⁾

“*Trinh Quan nhị niên, thập nguyệt, Giao Châu Đô đốc Toại An công Thọ dĩ tham đắc tội*”. Dịch: “*Năm Trinh Quan thứ 2, vào tháng 10 (tức là khoảng từ 2 đến 30 tháng 11 năm 628), viên Đô đốc Giao Châu là Toại An công Thọ (họ tông thất), vì tham lam nên bị tội*”.⁽⁸⁾

Bằng ấy sự việc đã dư đủ để nói lên rằng Khâu Hòa không còn cai trị Giao Châu hơn 60 năm nữa.

IV. Đổi Giao Châu ra làm An Nam đô hộ phủ

Về vấn đề cuối cùng chúng tôi phải bàn đến chỉ được nói trong *Toàn thư* bằng một câu ngắn. Đó là một câu nói chứa đựng đầy ý nghĩa lịch sử như sẽ thấy sau, nhưng hỏi nói như thế có đúng không đã, bởi vì nếu nó đúng ý nghĩa kia mới đúng, mà nó sai, ắt hẳn ý nghĩa do đó mà ra phải sai. Trước tiên thử hỏi tình hình chính trị lúc bấy giờ có cho phép gọi miền Nam Trung Quốc là An Nam chưa?

Như trên đã đề cập, vào năm 621, Khâu Hòa đã ra hàng nhà Đường, và kế đó, cấp trên Khâu Hòa là Tiêu Tiên cũng ra hàng nữa. Rồi, để thêm lạc quan cho chung quanh vùng Giao Châu, các viên cựu quan nhà Tùy như Đặng Văn Tiến ở Quảng Châu và Lý Giao, Thái thú Nhật Nam, đều quy thuận Trường An vào ngày Mậu Dần, tháng Tư năm Vũ Đức thứ 5, tức là ngày 11 tháng 6 năm 622.⁽⁹⁾ Sau đó ít tháng, vào tháng Bảy, Hán Dương Thái thú là Phùng Áng,

thủ hạ của Lâm Sĩ Hoằng, cũng đầu thú, và được vua nhà Đường đặt làm Tổng quản Cao Châu, với tước Cảnh quốc công.⁽¹⁰⁾ Như vậy, phải chăng sử gia đã có thể yên tâm chép “*Lĩnh Nam tất bình*” và bấy giờ, nếu nhà Đường đặt cho miền nam Lĩnh Nam đó một tên mới với một cấp bậc hành chánh mới, tức là An Nam đô hộ phủ, thiết tưởng việc đó rất là thích đáng.

Nhưng nhà Đường có làm thế không? Thưa không. Năm 622 nhà Đường chưa đặt tên An Nam đô hộ phủ. Không cần phải lục xét tài liệu lâu dài, cứ nhìn lại các chức Giao Châu Đô đốc của Vương Chí Viễn, năm 624, hay của Toại An công Thọ năm 628, nói trên thì đủ thấy sự sai lầm của *Toàn thư* ở điểm này.

Nếu nhà Đường không đặt tên An Nam đô hộ phủ vào năm Nhâm Ngọ (622) như *Toàn thư* dạy, thì nhà Đường có bao giờ dùng tên đó để gọi vùng Giao Châu không? Có lắm. Vua Cao Tông, vào năm đầu, niên hiệu Điều Lộ^(*) tức là năm 679, đã đem chế độ đô hộ phủ áp dụng vào vùng Lĩnh Nam, gọi là An Nam đô hộ phủ, kiêm cả Lục phủ và Chiêm phủ.⁽¹¹⁾ Đây không phải lần đầu tiên Trung Quốc có chế độ đó. Nhà Đường vào năm Canh Tý, niên hiệu Trinh Quan thứ 14 (640) đã đặt An Tây đô hộ phủ ở thành Giao Hà;⁽¹²⁾ Năm Đinh Vị, niên hiệu Trinh Quan thứ 21 (647) đặt Yên Nhiên đô hộ phủ ở Hàn Hải,⁽¹³⁾ phủ này được đổi làm Hàn Hải đô hộ đóng ở thành Vân Trung năm Vĩnh Huy nguyên niên (650), và đến năm Kỷ Ty, niên hiệu Tổng Chương thứ 2 (669) đổi lần nữa thành An Bắc đô hộ phủ.⁽¹⁴⁾ Năm Mậu Thìn, niên hiệu Tổng Chương nguyên niên (668) đã đặt An Đông đô hộ phủ ở Bình Nhượng [Nhượng].⁽¹⁵⁾ Sau khi đã có An Tây, An Bắc, An Đông như vậy rồi, bấy giờ mới đến An Nam.

Đến đây, có thể nói là việc phê bình đoạn văn của *Toàn thư*, viết về Khâu Hòa đã xong. Chúng ta đã thấy rằng trong bốn điểm chính của đoạn văn, chỉ điểm nhất là đúng, nhưng điểm đó lại được sao ở *Tư trị thông giám*; còn ba điểm kia tác giả của *Đại Việt sử ký (Toàn thư)*, đã tự viết lấy và đã sai lạc cả ba, không nhiều thì ít. Thật là một tình trạng đau buồn cho nền sử học. Nhưng tình trạng đó không phải đau buồn mà thôi, mà còn nguy hại nữa. *Toàn thư* hiện giờ là một quyển sử Việt Nam rất được giới học giả tin cậy, và sách đó càng được nhiều người tin cậy bao nhiêu, nguy hại của nó càng to lớn bấy nhiêu. Nó nguy hại vì các khuyết điểm do phương pháp dùng các nguồn sử liệu của nó, vì một người chỉ đọc *Toàn thư*, chứ không biết đến xuất xứ của các chỗ *Toàn thư* sao lại, sẽ rất dễ hiểu sai chính những chỗ được sao lại đó. Nó nguy hại thực sự chính là vì các chỗ tác giả của nó, thay vì sao lại, đã tự viết ra, như vừa thấy trên. Để làm chứng rằng *Toàn thư* có thể để ra những hậu quả không hay cho việc viết sử, chúng tôi xin trích dẫn một đoạn của Charles Patris khi ông này viết về Khâu Hòa, mà ông gọi lầm là Hoa Lịch, chúng tôi xin dịch như sau:

“... *Đàng khác, năm 618 còn quan trọng hơn nhiều vì nó đem lại một thay đổi sâu xa trong việc phân chia ranh giới các tỉnh ở “Việt Nam”... Cao Tông đã lập ra một đơn vị hành chánh mới mà cương giới chừng chừng ở bắc là Quảng*

* Nguyên văn in Châu Lộ, chúng tôi sửa lại như trên. Niên hiệu Điều Lộ (調露/调露) chỉ tồn tại trong 2 năm, từ 679-680, thời vua Đường Cao Tông (650-683). BBT.

Đông và nam là Quảng Nam. Rồi lãnh thổ rộng rãi đó được chia làm 13 tỉnh đặt dưới quyền cai trị của Hoa Lich và chỉ có liên lạc với vua Trung Quốc bằng việc nộp cống phẩm hằng năm. Một điều cũng cần phải nêu lên nữa, đó là 13 tỉnh vừa nói được gọi là An Nam đô hộ phủ. Như vậy, lần đầu tiên xuất hiện một biến đổi chủ chốt về phương diện chính trị, như nhận được ngay ở danh từ của nó, một danh từ mà hai chữ đầu tồn tại mãi cho đến ngày nay, còn mấy chữ sau thay đổi chế độ Bắc thuộc cũ và tình trạng nô lệ đã có gần nghìn năm, thành một chế độ đô hộ.

Việc thiết lập chế độ vừa nói có phải đánh dấu một tiến bộ thực sự và một xoa dịu đáng kể trong tình trạng dân chúng không? Khó để quả quyết điều đó, và sau này chúng ta còn thấy nhiều lần ở An Nam những viên quan lại Tàu tham bạo, coi lãnh thổ đó như đất đã thuộc về họ và người bị trị như hạng nô lệ chính cống. Tuy nhiên, trong ý của vị Thiên tử đã ban bố chế độ mới, chế độ đó phải là biểu hiện của một nền tự do rộng rãi hơn cho người An Nam. Đó là nhờ sự khôn ngoan và tài cai trị khéo léo của Hoa Lich, con người đáng lãnh tất cả vinh dự trong việc thay đổi chính trị này. Thiên triều xét vì không hề xảy ra một cuộc nội biến nào dưới quyền cai trị của một vị đại diện như thế, lại thấy ở các tỉnh này dân chỉ biết lam lũ cày cấy, buôn bán chứ không nghĩ việc làm loạn, nên đã thiết lập nền đô hộ vừa để ban ân huệ trong dịp lên ngôi, vừa để tỏ ra bằng lòng vì việc trị an trên toàn lãnh thổ”⁽¹⁶⁾.

Đọc đoạn này, chúng ta thấy tác giả đã có những suy luận chặt chẽ, dựa trên những tiền đề rút ở *Toàn thư*, như là:

1. Khâu Hòa đã quy thuận nhà Đường trong năm 618;
2. Cao Tổ đặt chế độ An Nam đô hộ phủ trong dịp lên ngôi;
3. Chế độ đó là riêng ở An Nam để thưởng cách cai trị khôn khéo của Khâu Hòa.

Nhưng, như đã chứng minh ở trên, các tiền đề đó không có sự thật, nên công trình lý luận của Patris là vô ích.

Chẳng những học giả của thế hệ trước đã không hiểu rõ về giá trị của *Đại Việt sử ký toàn thư*, mà giữa làng văn hiếu cổ người nay, cũng có nhiều người hết lời ca tụng bộ sử đó, cùng các tác giả của nó. Lê Văn Hưu chẳng hạn, không phải là không có chỗ đáng ca tụng, ví dụ như về phương diện ông là sử gia đầu tiên của Việt Nam. Nhưng lời ca tụng chỉ có giá trị khi nó tô điểm cho sự thật, mà sự thật về giá trị Lê Văn Hưu, xét về mặt sử gia đầu tiên, vẫn còn ít người bình tâm cân nhắc. Một sử gia đầu tiên thường có sức lôi cuốn của sự mới mẻ; hơn nữa, ông có trách nhiệm quan trọng của kẻ đặt đà. Nếu ông đặt đà sai hướng, như cho Triệu Đà, hay Lữ Gia là người Việt Nam chẳng hạn, rồi vì sự mới mẻ lôi cuốn, đa số sẽ dễ dàng lầm theo, về Triệu Đà hay Lữ Gia, ngày nay, với một ít hiểu biết quá khứ không còn ai có thể quả quyết là những người thuộc về lịch sử nước nhà. Ấy thế mà mới đây, tạp chí *Văn đàn* đã ra một số đặc biệt trong đó Lữ Gia chẳng những được tiên quyết là người Việt Nam, mà mục đích của số đặc biệt này lại là để tuyên bố ông đó là một nhà ái quốc

Việt Nam đầu tiên. Trong hội đồng biểu quyết công trạng Lữ Gia, chúng ta thấy một số nhân vật có tên tuổi, mà chỉ có ông Nguyễn Ngu Ý là tỏ ra nghi ngờ vấn đề tiên quyết về Lữ Gia. Thật là quá ít.⁽¹⁷⁾

Chúng tôi nêu ra những hậu quả không được tốt đẹp đó, chỉ là để nói lên rằng khi ca tụng vị sử gia đầu tiên của Việt Nam, chúng ta phải ca tụng với sự dè dặt cần thiết. Nhưng trái lại bạn Nguyễn Thế Giang đã ca tụng Lê Văn Hưu mà không biết dè dặt. Để bắt đầu, bạn Giang đã có một đề mục như: “Lê Văn Hưu, một sử gia kiệt xuất”. Thế rồi bạn Giang tìm cho được những lời lẽ kêu nhất để ngợi khen, để thán phục cái tài lỗi lạc của con người đã chép *Đại Việt sử ký*.⁽¹⁸⁾ Song le, kiệt xuất và lỗi lạc sao được, khi Lê Văn Hưu cũng là tác giả của những đoạn sử như đoạn nói về Khâu Hòa chúng tôi vừa phân tích và phẩm bình. Không ai trách bạn Giang, một sinh viên mới chẵn 18 tuổi khi niên học 1962-1963 bắt đầu; nhưng bài của bạn Giang là như một vết đen thích hợp làm cho nổi bật lên sự cần thiết cấp bách phải duyệt lại một cách thấu đáo công trình của Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên, nhất là phần Ngoại kỷ của bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, để có thể sử dụng được những chân lý lịch sử bao hàm trong đó.⁽¹⁹⁾

N P

CHÚ THÍCH

1. Xin xem bài “Nghiên cứu dân Lạc-Việt” ở đặc san *Đại học Sư phạm*, Huế, số 1, 1960, tr. 17-33.
2. Đầu bài tựa về bộ *Tư trị thông giám*, nhà xuất bản Nghệ Văn ấn thư quán, Đài Bắc, năm 1955.
3. *Toàn thư*, q. 5, tờ 1.
4. “*Đắc Dương Đế hưng văn, diệc dĩ quân phó ư Tiên*”, *Tư trị thông giám*, q. 185, tờ 20b.
5. *Tư trị thông giám*, q. 190, tờ 66.
6. *Tư trị thông giám*, q. 190, tờ 13a.
7. *Tư trị thông giám*, q. 191, tờ 9b.
8. *Tư trị thông giám*, q. 193, tờ 2b.
9. *Tư trị thông giám*, q. 190, tờ 9b.
10. *Tư trị thông giám*, q. 190, tờ 11a.
11. *Tư trị thông giám*, q. 233, tờ 28b.
12. *Tư trị thông giám*, q. 195, tờ 27a.
13. *Tư trị thông giám*, q. 198, tờ 24b.
14. *Tư trị thông giám*, q. 201, tờ 28a.
15. *Tư trị thông giám*, q. 201, tờ 25b.
16. *Essai d'Histoire d'Annam*, Première Partie, L'antiquité et le Haut Moyen Age Huế, Đắc Lập, 1923, tr. 180-181.
17. Xem *Văn đàn*, số 40, 2/8/1962. Chúng tôi đã phê bình hướng lịch sử của Lê Văn Hưu trong một bài dài sắp công bố, nhan đề là “Tiến trình hình thành quốc gia Việt Nam”.
18. Xem *Văn đàn*, số 40 [?], 25/3/1961.
19. Để góp phần vào việc tìm tòi chân lý lịch sử, tác giả bài này sắp xuất bản một tập sách, nhan đề là: *Phần Ngoại kỷ của Toàn thư với sử liệu Trung Quốc*, trong đó sẽ đối chiếu và phê bình, theo lối bài trên đây, những đoạn - rất nhiều - mà các tác giả Việt Nam đã sao lại của sử gia Trung Quốc.

Chú thích của BBT: Đến nay, tập sách nói trên vẫn ở dạng bản thảo, chưa được công bố. Xin trích đăng bài của GS Nguyễn Đức Cung, nhan đề: “Linh mục Nguyễn Phương tự Trúc Long (1921-1993)” như sau:

“...Tập bản thảo *Phê bình Đại Việt sử ký toàn thư: Phần Ngoại kỷ* là tập thứ hai được may mắn theo chân tác giả ra hải ngoại vào trung tuần tháng 5/1975. Viết xong tại Cam Ranh ngày 19 tháng 10 năm 1973, tập sách nói về cổ sử Việt Nam này gồm 208 trang, chia làm 6 chương, có mục đích làm sáng tỏ giai đoạn lịch sử khó khăn nhất đó là phần thuộc cổ sử. Xin đọc một đoạn trong Lời nói đầu để thấy được ý kiến của tác giả: “...Dẫu vậy, muốn xây dựng một nền sử học Việt Nam, chính cổ sử là chỗ phải bắt đầu, vì nắm được cổ sử là như nắm được căn bản. Hiện giờ cổ sử Việt Nam là phần khó khăn nhất, vì nó đụng chạm đến nhiều ngành học, nó vấp vào nhiều chướng ngại, nhưng làm được chừng nào thiết tưởng nên bắt tay làm, và qua nhiều năm nghiên cứu, chúng tôi đã làm được một công việc tương đối nhỏ, nhưng xét ra cốt yếu. Công việc chúng tôi muốn nói đến, đó là phê bình tập *Đại Việt sử ký ngoại kỷ toàn thư*. Nội dung của tập này tương đương với giai đoạn thường được gọi là cổ sử Việt Nam. Nên nhớ rằng *Ngoại kỷ toàn thư* chưa phải là tất cả cổ sử, vì cổ sử bao hàm nhiều vấn đề hơn, nhiều sự việc hơn. Nhưng *Ngoại kỷ* đã nêu ra những sự việc chính yếu. Khác, dường như *Ngoại kỷ* là phần đã tạo được một ảnh hưởng to tát nhất trên xã hội Việt Nam. Vì vậy làm sáng tỏ phần này của bộ *Toàn thư* là một việc vừa cần thiết vừa đáng lưu ý vào bậc nhất.”

“Điểm đặc biệt của phần nói về sách tham khảo là đại đa số tài liệu đều dùng bằng chữ Hán (18 mục thì chỉ có 2 mục tức *An Nam chí lược* của Lê Tắc đã được Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam dịch ra Việt ngữ và *Việt điện u linh tập* của Lý Tế Xuyên, Lê Hữu Mục dịch, Khai Trí xuất bản năm 1961). Trong Lời kết (trang 203, bản thảo), Giáo sư Nguyễn Phương viết: “Đối với những kẻ chủ trương Việt Nam có bốn nghìn năm văn hiến, thì đó là một bằng chứng ngược lại, vì ta vừa tận mắt rằng ít ra văn hiến Việt Nam đã vắng hẳn suốt hơn một nghìn năm. Nếu muốn giữ vững chủ trương cho Việt Nam một nền văn hiến kỳ cựu, thì cũng không nên làm một phép trừ nho nhỏ và nói rằng nền văn hiến đó chỉ còn lại ba nghìn năm thay vì bốn. Quả thật, hơn một nghìn năm, không một ai chép sử, không một ai làm văn, đến nỗi về sau sử gia đã phải chép lại sử Tàu để làm sử Việt Nam...”. Báo Đất mẹ (1993). BBT.

TÓM TẮT

Bài viết phân tích và phê bình những sai lầm trong một đoạn sử ngắn viết về Thái thú Khâu Hòa ở phần *Ngoại kỷ* của bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Những sai lầm này xuất phát từ phương pháp viết sử của các tác giả của bộ thông sử này. Đây là những sai lầm tai hại bởi *Toàn thư* là một bộ sử được học giới tin cậy, và sách càng được nhiều người tin cậy bao nhiêu thì những sai lầm do nó gây ra càng nguy hại bấy nhiêu. Do vậy, cần phải duyệt lại một cách thấu đáo phần *Ngoại kỷ* của bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, để có thể sử dụng được những chân lý lịch sử bao hàm trong đó.

ABSTRACT

MISTAKES IN THE *ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ* (COMPLETE ANNALS OF *ĐẠI VIỆT*)

The article mentions and analyzes mistakes in a short paragraph about Chinese governor Khâu Hòa in the *Ngoại kỷ* (Peripheral Records) of the *Đại Việt sử ký toàn thư* (Complete Annals of *Đại Việt*). These mistakes arose from the historical method of the authors of that book. Those are fatal mistakes because the *Đại Việt sử ký toàn thư* has been trusted by the educational circles, meanwhile, the more a book is trusted, the more danger its mistakes cause. Therefore, there must be a thoroughly review of the *Ngoại kỷ* (Peripheral Records) of the *Đại Việt sử ký toàn thư* (Complete Annals of *Đại Việt*) in order to understand the historical truth accurately.